

Số: 415/2025/DS-ST

Ngày: 28/5/2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nghiêm Xuân Hoàng

2/ Bà Lê Thị Thanh Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Mai Như Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa** – Bà Lê Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 1270/2024/TLST-DS ngày 21/11/2024 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2025/QĐST-HPT ngày 06 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP N

Địa chỉ: 2 C, Phường D, Quận C, Tp ..

Đại diện ủy quyền: Ông Dương Duy K và ông Nguyễn Huỳnh Nhật M (Giấy ủy quyền số 949/2024/UQ-AMC ngày 29/10/2024).

- **Bị đơn:** Ông Đinh Văn H, sinh năm 1977

Địa chỉ: 4 H, Phường A, quận P, Tp ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N và các bản tự khai của ông Dương Duy K là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 08/6/2022, Ngân hàng TMCP N (Ngân hàng) và ông Đinh Văn H đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ số 0080/2022/926-CV (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng tín dụng). Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã phát hành cho ông H sản phẩm thẻ JCB EMV HappyGolf Credit Main Card với số tài khoản 792613014080002, số thẻ: 356519xxxxxx6498, phát hành ngày

22/6/2022, kích hoạt ngày 14/7/2022, hạn mức tín dụng: 500.000.000 đồng; hạn mức rút tiền mặt: 400.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 508.307.683 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 177.347.933 đồng, phần nợ còn lại ông H chưa thanh toán. Mặc dù Ngân hàng nhiều lần yêu cầu, đồng thời tạo điều kiện về mặt thời gian để ông H trả nợ, tuy nhiên ông vẫn không thanh toán khoản nợ vay quá hạn tại Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 12 của Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng, ngày 15/02/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 481.559.054 đồng sang nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Điều 11 của Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn ($30\%/năm \times 150\%$) đối với dư nợ gốc tính từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại. sau thời điểm này, ông H có thanh toán thêm cho Ngân hàng vài đợt, tuy nhiên số tiền thanh toán không đúng như thỏa thuận và không đủ để trả nợ.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đinh Văn H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 11/4/2025 là 775.909.706 đồng, bao gồm Nợ gốc: 455.867.699 đồng; Lãi trong hạn: 76.409.974 đồng; Lãi quá hạn (phần 100%): 162.421.355 đồng; Lãi quá hạn (phần 50%): 81.210.678 đồng. Ông Đinh Văn H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh tính từ ngày 11/4/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Đinh Văn H, nhưng ông H vắng mặt tại tất cả các giai đoạn tố tụng, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tính đến ngày 28/5/2025, ông H còn nợ Ngân hàng số tiền là 802.325.053 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 455.867.699 đồng; Lãi trong hạn: 76.409.974 đồng; Lãi quá hạn (phần 100%): 180.031.587 đồng; Lãi quá hạn (phần 50%): 90.015.794 đồng.

Bị đơn ông Đinh Văn H vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận tuân theo đúng pháp luật tố tụng về việc xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành theo đúng trình tự tố tụng, các đương sự chấp hành tốt quy định pháp luật về tố tụng. Về nội dung, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N khởi kiện buộc bị đơn ông Đinh Văn H trả tiền vay từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng còn thiếu. Xét đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Căn cứ kết quả xác minh tại Công an P, quận P, bị đơn ông Đinh Văn H có đăng ký thường trú và đang cư trú tại địa chỉ 4 H, Phường A, quận P, Tp .. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] *Về người tham gia tố tụng*: Bị đơn ông Đinh Văn H dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Bị đơn trong vụ án được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày bất kỳ ý kiến gì liên quan đến quyền, lợi ích của mình trong vụ án này là đã từ chối quyền trình bày ý kiến về quyền, lợi ích hợp pháp của mình đối với tranh chấp. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo những chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn về số nợ gốc, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ lời trình bày của đại diện nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 08/6/2022, nguyên đơn và bị đơn ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ số 0080/2022/926-CV (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP N). Theo đó nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng cho bị đơn với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch trên thẻ được cấp. Bị đơn đã trả được một phần số tiền nợ nhưng chưa trả hết. Ngày 15/02/2024, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc còn thiếu là 455.867.699 (Bốn trăm năm mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm chín mươi chín) đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] *Xét yêu cầu bị đơn trả tiền lãi quá hạn:*

Ngày 15/02/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của bị đơn và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 481.559.054 đồng sang nợ quá hạn căn cứ theo quy định tại Điều 11 của Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng, số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc với lãi suất quá hạn là 45%/năm (30%/năm x 150%) tính từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N1 quy định: “*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng*”. Ngoài ra tại khoản 2 Điều 22 của quyết định số 04/VBHN-NHNN của Ngân hàng N1 ban hành ngày 24/4/2014 đã quy định nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: “*Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản*

phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ”.

Từ những quy định nêu trên thì việc thỏa thuận lãi suất nợ quá hạn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ lãi tính đến ngày 28/5/2025 là 346.457.354 đồng và khoản lãi phát sinh tính từ ngày 28/5/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ số 0080/2022/926-CV cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] *Về thời hạn thanh toán:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán ngay một lần số nợ trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ ngày 15/02/2024, bị đơn đã không tiếp tục thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho nguyên đơn như thỏa thuận trong Hợp đồng hai bên đã ký, việc này làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán ngay một lần khoản nợ trên là không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí. H1 lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 147, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 107 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N:

1.1 Buộc ông Đinh Văn H phải trả cho Ngân hàng TMCP N tổng số tiền nợ tính đến ngày 28/5/2025, ông H còn nợ Ngân hàng số tiền là 802.325.053 (tám trăm lẻ hai triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn không trăm năm mươi ba) đồng, bao gồm: Nợ gốc: 455.867.699 (bốn trăm năm mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi bảy ngàn sáu trăm chín mươi chín) đồng; Nợ lãi: 346.457.354 (ba trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi bảy ngàn ba trăm năm mươi bốn) đồng.

Thanh toán một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2 Ông Đinh Văn H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh tính từ ngày 28/5/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ số 0080/2022/926-CV ngày 08/6/2022 và Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng đính kèm giữa Ngân hàng với ông Đinh Văn H.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm là 36.069.752 (ba mươi sáu triệu không trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm năm mươi hai) đồng, ông Đinh Văn H phải chịu.

- H1 lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí 15.795.000 (Mười lăm triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0055063 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Tp ..

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Phú Nhuận;
- CCTHADS Q.Phú Nhuận;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Minh Thúy